

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 32/2020/DS-ST

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Blóh Mlô và ông Nguyễn Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26 /2020/ QĐXXST - DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST – DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T (Có mặt)

Địa chỉ: Ngân hàng N, chi nhánh K, Bắc Đắk Lắk – Phòng giao dịch Phú X

Theo văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 01 năm 2020

Bị đơn: Bà Hoàng Thị T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Đình C và ông Hoàng Đình N (Đều vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Hoàng Thị Q (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã Hòa T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 5 năm 2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng N (Ngân hàng) cho bà Hoàng Thị T (bà T), ông Hoàng Đình C (ông C), ông Hoàng Đình N (ông N) và bà Hoàng Thị Q (bà Q) vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Lãi suất: 11%/năm, định kỳ 03 tháng trả lãi một lần; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Lãi suất chậm trả: 10,0%/năm; Mục đích vay: chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống hộ gia đình; Thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2018. Hình thức cho vay không có bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T, ông C, ông N, bà Q đã trả cho Ngân hàng 4.315.618đ tiền lãi. Tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2020, bà T, ông C, ông N, bà Q còn nợ lại số tiền 93.223.271đ (Gốc: 80.000.000đ, lãi: 13.223.271đ) nhưng không trả do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T, ông C, ông N, bà Q trả cho Ngân hàng số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bà T trình bày:

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, bà có vay của Ngân hàng với số tiền và lãi suất, thời hạn vay như nội dung đại diện Ngân hàng đã trình bày. Bà đã trả cho Ngân hàng được 4.315.618đ tiền lãi, còn nợ lại 80.000.000đ tiền gốc và lãi suất phát sinh. Do làm ăn thua lỗ nên bà xin trả thành nhiều đợt (Mỗi đợt: 3.000.000đ/tháng).

Tại Hợp đồng tín dụng số 5209 LAV2018 02922, thể hiện nội dung: Ngân hàng cho bà T, ông C vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Lãi suất: 11%/năm, định kỳ 03 tháng trả lãi một lần, kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2018.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà T, ông C trả số tiền 93.223.271đ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông N, bà Q liên đới trả cho Ngân hàng số tiền trên. Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được. Mặc dù đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại hợp đồng tín dụng thể hiện Ngân hàng cho bà T, ông C vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng thừa nhận bà có vay của Ngân hàng số tiền với lãi suất và thời hạn vay như đại diện Ngân hàng trình bày. Bà đã trả cho Ngân hàng 4.315.618đ tiền lãi, còn nợ lại 80.000.000đ tiền gốc và lãi suất phát sinh. Bà đồng ý trả cho Ngân hàng số nợ (Bao gồm cả gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phát sinh...) nhưng chia thành nhiều đợt, tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý.

Kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2018 đến nay, bà T mới trả cho Ngân hàng 4.315.618đ tiền lãi, do đó bà T, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T, ông C liên đới trả số tiền 93.223.271đ (Gốc: 80.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2020: 13.223.271đ) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên Ngân hàng yêu cầu ông N và bà Q liên đới trả số tiền trên thì Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế chỉ có ông C, bà T ký vay vốn, còn ông N, bà Q không tham gia. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông N, bà Q liên đới là có cơ sở. Do vậy Hội đồng xét xử chỉ buộc bà T và ông C liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 93.223.271đ. Không buộc ông N, bà Q liên đới trả.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và bà T, ông C không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí, vì vậy bà T và ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch với số tiền 93.223.271đ được tính là $93.223.271đ \times 5\% = 4.661.160đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 385; 398; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Đình C liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 93.223.271đ (Gốc: 80.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2020: 13.223.271đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Đình C trả xong nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc buộc ông Hoàng Đình N, bà Hoàng Thị Q liên đới với bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Đình C trả số tiền 93.223.271đ.

3. Về án phí:

+ Bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Đình C phải chịu 4.661.160đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 2.154.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0002890 ngày 13 tháng 02 năm 2020.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG

CÁC THÀNH VIÊN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**